



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
Mã số thuế: 0305482862

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2016**

Tháng 01 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2,459,360,723,835	2,356,146,542,693
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1,058,831,542,482	681,480,815,241
1. Tiền	111		46,941,542,482	67,807,015,241
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,011,890,000,000	613,673,800,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20,954,433,300	27,057,666,300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		33,575,304,695	33,575,304,695
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129		(12,620,871,395)	(6,517,638,395)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		733,622,455,262	661,268,191,939
1. Phải thu khách hàng	131		626,957,209,422	549,413,271,556
2. Trả trước cho người bán	132		4,188,089,053	16,860,227,591
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		135,503,040,536	119,687,169,162
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(33,025,883,749)	(24,692,476,370)
IV. Hàng tồn kho	140	6	444,877,408,819	783,444,035,724
1. Hàng tồn kho	141		458,599,265,986	805,867,574,739
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13,721,857,167)	(22,423,539,015)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		201,074,883,972	202,895,833,489
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		572,266,745	949,259,604
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		199,717,744,972	200,901,726,561
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		784,872,255	1,044,847,324
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		32,749,682,934	4,823,833,723
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,667,879,590	1,401,380,590
1. Phải thu dài hạn khác	213		1,667,879,590	1,401,380,590
II. Tài sản cố định	220		2,152,735,845	3,089,568,970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	2,019,175,845	2,904,378,363
- Nguyên giá	222		7,657,729,561	7,539,662,749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,638,553,716)	(4,635,284,386)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	133,560,000	185,190,607
- Nguyên giá	228		1,113,753,105	1,113,753,105
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(980,193,105)	(928,562,498)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		27,628,268,080	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		28,978,268,080	1,350,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1,350,000,000)	(1,350,000,000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1,300,799,419	332,884,163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,300,799,419	332,884,163
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,492,110,406,769	2,360,970,376,416

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,253,602,824,206	2,128,808,650,308
I. Nợ ngắn hạn	310		2,253,395,805,937	2,128,601,632,039
1. Phải trả người bán	311		549,104,477,817	459,022,161,769
2. Người mua trả tiền trước	312		4,045,462,030	4,731,519,046
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	3,313,914,825	3,792,298,082
4. Phải trả người lao động	314		9,881,962,595	10,060,673,232
5. Chi phí phải trả	315	11	2,743,906,404	5,521,644,444
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	113,312,656,304	103,774,712,523
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	9	1,563,816,062,780	1,534,865,876,071
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,177,363,182	6,832,746,872
II. Nợ dài hạn	330		207,018,269	207,018,269
1. Phải trả dài hạn khác	333		207,018,269	207,018,269
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		238,507,582,563	232,161,726,108
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	238,507,582,563	232,161,726,108
1. Vốn điều lệ	411		213,265,490,000	213,265,490,000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(1,170,000,000)	(375,000,000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26,412,092,563	19,271,236,108
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2,492,110,406,769	2,360,970,376,416

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
1. Nợ khó đòi đã xử lý	Đồng	17,918,448,762	17,918,448,762
2. Ngoại tệ các loại	USD	125,682	714,698
	EUR	48	81



Trần Thanh Cảnh
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 01 năm 2017



Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Phan Quang Tuấn Anh
Chủ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,528,479,730,456	1,516,871,521,253	5,906,333,607,784	5,689,248,687,736
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		28,844,615,040	39,684,633,864	99,074,338,663	104,615,194,383
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,499,635,115,416	1,477,186,887,389	5,807,259,269,121	5,584,633,493,353
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		1,430,870,513,206	1,389,458,286,421	5,563,674,376,714	5,305,750,031,290
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68,764,602,210	87,728,600,968	243,584,892,407	278,883,462,063
6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	15,931,343,812	11,931,377,511	47,051,589,752	45,497,647,237
7. Chi phí tài chính	15	26,585,080,089	26,193,265,078	77,100,091,432	90,284,151,528
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>17,187,227,712</i>	<i>17,415,959,656</i>	<i>63,743,289,727</i>	<i>69,510,959,336</i>
8. Chi phí bán hàng		27,909,228,519	29,382,589,389	105,646,199,719	96,075,858,989
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12,897,392,106	24,465,654,939	33,839,310,669	53,561,440,045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17,304,245,308	19,618,469,073	74,050,880,339	84,459,658,738
11. Thu nhập khác		115,949,505	600,397,226	293,951,097	1,129,295,830
12. Chi phí khác		83,682,026	290,528,656	103,271,995	422,819,670
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		32,267,479	309,868,570	190,679,102	706,476,160
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		17,336,512,787	19,928,337,643	74,241,559,441	85,166,134,898
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	3,313,914,825	3,344,727,661	12,710,458,466	17,697,043,058
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		14,022,597,962	16,583,609,982	61,531,100,975	67,469,091,840
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	675	778	2,892	3,930



Trần Thanh Cảnh
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 1 năm 2017



Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Phan Quang Tuấn Anh
Chủ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

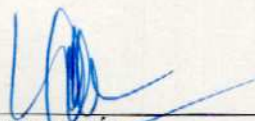
MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	74,241,559,441	85,166,134,898
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,159,711,755	972,032,017
Các khoản dự phòng	03	5,734,958,531	21,395,215,664
(Lãi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(970,549,713)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(47,051,589,752)	(34,215,528,571)
Chi phí lãi vay	06	63,743,289,727	69,510,959,336
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	97,827,929,702	141,858,263,631
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(81,241,183,799)	8,872,764,599
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	347,268,308,753	60,480,115,249
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	98,469,553,680	63,011,398,842
(Tăng) chi phí trả trước	12	(590,922,397)	(441,396,160)
Tiền lãi vay đã trả	13	(65,130,391,947)	(70,351,315,349)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13,188,841,723)	(18,233,963,524)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(886,005,710)	(967,280,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	382,528,446,559	184,228,587,288
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(222,878,630)	(2,709,523,357)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	36,363,636	534,300,000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(27,628,268,080)	(33,575,304,695)
4. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	46,906,349,547	38,665,300,589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19,091,566,473	2,914,772,537
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4,464,597,178,557	5,153,930,370,282
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4,435,646,991,848)	(5,426,293,737,491)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(53,219,472,500)	(63,824,355,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24,269,285,791)	(336,187,722,209)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	377,350,727,241	(149,044,362,384)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	681,480,815,241	830,543,432,177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(18,254,552)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1,058,831,542,482	681,480,815,241



Trần Thanh Cảnh
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 01 năm 2017



Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Phan Quang Tuấn Anh
Chủ tịch hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xi nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Năm 2016

Số năm

Phương tiện vận tải

6 - 10

Thiết bị văn phòng

3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	57,729,980	125,089,309
Tiền gửi ngân hàng	46,883,812,502	67,630,578,932
Tiền đang chuyển	-	51,347,000
Các khoản tương đương tiền	1,011,890,000,000	613,673,800,000
	<u>1,058,831,542,482</u>	<u>681,480,815,241</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	26,015,685,205	39,141,607,260
Hàng hóa	432,097,394,821	764,059,823,277
Hàng gửi đi bán	-	2,666,144,202
Công cụ dụng cụ	486,185,960	-
	<u>458,599,265,986</u>	<u>805,867,574,739</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13,721,857,167)	(22,423,539,015)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HHTK	<u>444,877,408,819</u>	<u>783,444,035,724</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	3,760,430,794	3,779,231,955	7,539,662,749
Mua trong năm	88,383,710	134,494,920	222,878,630
Thanh lý trong năm	(104,811,818)	-	(104,811,818)
Tại ngày 31/12/2016	3,744,002,686	3,913,726,875	7,657,729,561
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	2,247,205,258	2,388,079,128	4,635,284,386
Khấu hao trong năm	516,163,644	537,764,742	1,053,928,386
Thanh lý trong năm	(50,659,056)	-	(50,659,056)
Tại ngày 31/12/2016	2,712,709,846	2,925,843,870	5,638,553,716
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2016	1,031,292,840	987,883,005	2,019,175,845
Tại ngày 01/01/2016	1,513,225,536	1,391,152,827	2,904,378,363

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	VND
Tại ngày 01/01/2016	1,113,753,105
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2016	1,113,753,105
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	928,562,498
Khấu hao trong năm	51,630,607
Tại ngày 31/12/2016	980,193,105
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2016	133,560,000
Tại ngày 01/01/2016	185,190,607

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngân hàng TM Cổ Phần Ngoại thương Việt Nam	469,398,962,133	487,623,321,528
Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội (MB)	223,111,791,881	399,767,416,054
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN7	293,357,647,039	247,272,939,305
Ngân hàng HSBC Việt Nam (HSBC)	293,036,052,634	57,981,805,612
Ngân hàng ANZ Việt Nam (ANZ)	131,721,834,387	342,220,393,572
Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam	99,840,601,711	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	53,349,172,995	-
	1,563,816,062,780	1,534,865,876,071

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(455,167,122)	(775,666,314)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,313,914,825	3,792,298,082
Thuế TN cá nhân	(329,705,133)	(269,181,010)
	<u>2,529,042,570</u>	<u>2,747,450,758</u>
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	784,872,255	1,044,847,324
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	3,313,914,825	3,792,298,082

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả lãi vay	2,553,477,121	3,201,567,233
Chi phí phải trả khác	190,429,283	2,320,077,211
	<u>2,743,906,404</u>	<u>5,521,644,444</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	59,185,670
Bảo hiểm xã hội	61,246,411	123,339,225
Cổ tức	53,159,622,500	53,865,799,623
Các khoản phải trả phải nộp khác	60,091,787,393	49,726,388,005
	<u>113,312,656,304</u>	<u>103,774,712,523</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	142,227,000,000	33,340,500,000	(375,000,000)	4,977,707,165	39,150,681,441	219,320,888,606
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	67,469,091,840	67,469,091,840
Tăng vốn trong năm	71,038,490,000	(33,340,500,000)	-	(4,977,707,165)	(32,720,282,835)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1,349,381,838)	(1,349,381,838)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(53,278,872,500)	(53,278,872,500)
Số dư tại ngày 01/01/2016	<u>213,265,490,000</u>	<u>-</u>	<u>(375,000,000)</u>	<u>-</u>	<u>19,271,236,108</u>	<u>232,161,726,108</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	61,531,100,975	61,531,100,975
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(795,000,000)	-	-	(795,000,000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1,230,622,020)	(1,230,622,020)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(53,159,622,500)	(53,159,622,500)
Số dư tại ngày 31/12/2016	<u>213,265,490,000</u>	<u>-</u>	<u>(1,170,000,000)</u>	<u>-</u>	<u>26,412,092,563</u>	<u>238,507,582,563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35,572,706,232	33,949,528,180
Lãi chênh lệch tỷ giá	4,534,784,473	7,326,156,004
Hoạt động tài chính khác	6,944,099,047	4,221,963,053
	47,051,589,752	45,497,647,237

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	63,743,289,727	69,510,959,336
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,370,479,367	9,483,751,322
Hoạt động tài chính khác	9,986,322,338	11,289,440,870
	77,100,091,432	90,284,151,528

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	74,241,559,441	85,166,134,898
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(10,939,533,948)	(4,973,975,209)
Cộng: CP không được khấu trừ	250,266,839	248,945,118.2
Thu nhập chịu thuế	63,552,292,332	85,166,134,898
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12,710,458,466	17,697,043,058

Thuế suất thuế TNDN năm 2015 là 22%, 2016 là 20%.

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	61,531,100,975	67,469,091,840
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	21,274,042	21,311,550
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2,892	3,930

18. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 20 tháng 1 năm 2017.



Trần Thanh Cảnh
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 01 năm 2017



Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Phan Quang Tuấn Anh
Chủ tịch hội đồng quản trị